

Số: 747/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm
2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Đức T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

Địa chỉ tạm trú: 434/14 **Phạm Văn C, tổ C, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Bà **Lai Thúy H**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **2 K, I, Nhật Bản.**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Đức T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

Địa chỉ tạm trú: 434/14 **Phạm Văn C, tổ C, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Bà **Lai Thúy H**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 2 K, I, Nhật Bản.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức T và bà Lai Thúy H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Đức T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004544 ngày 14 tháng 4 năm 2023. H1 lại ông Phạm Đức T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Bích Loan

HNST2023TATP-347



16.05.2023 11:11